TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thành

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đậm- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX - ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T; nơi cư trú: Tổ 10, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Duy P; nơi cư trú: Tổ 10, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Hồ Duy P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố

Hải Phòng. Sau khi cưới, chị và anh P sống chung với bố mẹ chồng tại phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã; cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ giữa năm 2018, chị và anh P đã sống ly thân, không quan tâm tới nhau về tình cảm và kinh tế. Đến nay, vợ chồng vẫn không thể hòa giải được, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hồ Duy K, sinh ngày 19/10/2010, đang ở với anh P và ông bà nội. Khi ly hôn, do con chung đang ăn ở sinh hoạt ổn định tại gia đình anh P nên chị đề nghị giao con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh P 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Đỗ Thị Phương hằng là mẹ đẻ anh P xác định: Anh P hiện nay vẫn ở chung với gia đình bà, các văn bản tố tụng tòa án tống đạt cho anh P, bà đã nhận và thông báo lại cho anh P nhưng do anh P bận đi làm nên không lên tòa án để giải quyết ly hôn với chị T được. Bà cũng xác định chị T và anh P có mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bà xác nhận hiện tại con chung của chị T và anh P vẫn ăn ở sinh hoạt tại gia đình bà, anh P không lên tòa án nhưng cũng trao đổi lại với bà là có nguyện vọng tiếp tục nuôi con.

Tại biên bản xác minh ngày 26/3/2019 tại UBND phường H thể hiện: Chị T và anh P trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh P hiện nay vẫn ăn ở sinh hoạt cùng bố mẹ đẻ ở phường H.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn anh P và đề nghị giao con chung cho anh P tiếp tục nuôi vì cháu đang ăn ở sinh hoạt ổn định cùng anh P và ông bà nội; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh P 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị T được ly hôn anh P, về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị T,

giao con chung là Hồ Duy K, sinh ngày 19/10/2010 cho anh P tiếp tục nuôi, buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với anh P 1.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với anh Hồ Duy P cư trú tại phường H, quận D, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Hồ Duy P đã được Tòa án nhân dân quận D tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh P cố tình vắng mặt, không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 31/5/2019 và niêm yết quyết định hoãn phiên tòa đối với anh P nhưng tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Hồ Duy P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình xác minh thập chứng cứ tại nơi chị T và anh P cư trú và qua lời khai của bố mẹ đẻ anh P đều xác định: Chị T và anh P xảy ra mâu thuẫn đã lâu, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn giữa chị T và anh P ngày càng trầm trọng. Hiện tại, chị T và anh P đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị T làm đơn ly hôn, anh P không cung cấp quan điểm về việc ly hôn, cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hòa giải và đoàn tụ. Tòa án đã thông báo hòa giải cho anh P nhưng anh P đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có

thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh P là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là Hồ Duy K, sinh ngày 19/10/2010 đang ở với anh P. Qua xác minh tại gia đình anh P cho thấy: Cháu Hồ Duy K đang ăn ở sinh hoạt, học hành ổn định tại gia đình anh P, các điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đều đảm bảo. Yêu cầu của chị T về việc tiếp tục giao con chung cho anh P nuôi là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, giao con chung Hồ Duy K cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng . Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với anh P 1.000.000 đồng/tháng từ tháng 5/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy sự tự nguyện của chị T phù hợp với điều kiện thực tế và quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hồ Duy P.

2. Về con chung: Giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hồ Duy K, sinh ngày 19/10/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh P 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2019 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị; trường hợp chị T chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì

còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 14024 ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hồ Duy P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H, quận D, Hải Phòng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung